

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam đệ trình Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Công ty

Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Bộ Thương mại, được thành lập theo Quyết định số 519/TM-TCCB ngày 19/6/1996 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4106000283, được đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30/8/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 26 tháng 3 năm 2007, Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) đã có Quyết định số 0494/QĐ/BTM về việc thực hiện cổ phần hóa Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị doanh nghiệp đã được xác định và phê duyệt theo Quyết định số 6640/QĐ-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2008.

Ngày 16/03/2010, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0300648264.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 406 Nguyễn Tất Thành, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Minh Xuân	Ủy viên
	Ông Trương Minh Long	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quốc Huy	Ủy viên
	Ông Lương Ngọc Bảo	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này:

Ban Giám đốc	Ông Vũ Thế Đức	Tổng Giám đốc
	Ông Trương Minh Long	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lương Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Tú Anh	Phó Tổng giám đốc

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chạm mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Vũ Thế Đức
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2012

Số. 231 /2012/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2011
của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam**Kính gửi Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại Thương Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập được kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng có liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Quế Dương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1382/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Moore Stephens International Limited.
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Tiên Trinh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1806/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		368.219.082.742	461.422.578.702
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	195.157.557.971	27.737.753.835
1. Tiền	111		57.802.757.971	27.737.753.835
2. Các khoản tương đương tiền	112		137.354.800.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.199.731.750	189.673.752.223
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	1.199.731.750	189.673.752.223
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		169.537.842.032	243.127.197.534
1. Phải thu khách hàng	131		62.527.243.502	78.391.848.088
2. Trả trước cho người bán	132		101.613.675.810	161.735.654.010
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	5.564.714.490	2.999.695.436
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(167.791.770)	-
IV. Hàng tồn kho	140		62.186.472	58.212.695
1. Hàng tồn kho	141		62.186.472	58.212.695
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.261.764.517	825.662.415
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	593.453.271	517.065.881
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		879.761.246	12.443.372
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	229.347.162
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	788.550.000	66.806.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		119.137.626.793	120.196.931.900
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		36.489.305.656	31.971.530.577
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	26.566.799.020	22.207.288.250
<i>Nguyên giá</i>	222		34.640.830.892	27.222.676.641
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.074.031.872)	(5.015.388.391)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	9.922.506.636	9.623.759.000
<i>Nguyên giá</i>	228		9.926.739.000	9.623.759.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.232.364)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	140.483.327
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		75.856.322.703	75.747.497.322
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.8	45.714.517.245	35.025.823.132
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.9	44.183.944.458	45.663.944.458
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(14.042.139.000)	(4.942.270.268)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.791.998.434	12.477.904.001
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	6.234.952.004	12.469.904.001
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.11	557.046.430	8.000.000
TỔNG TÀI SẢN	270		487.356.709.536	581.619.510.602

10/12/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		189.513.424.004	314.319.778.809
I. Nợ ngắn hạn	310		189.338.106.185	313.143.022.196
2. Phải trả người bán	312		135.961.603.667	211.480.122.249
3. Người mua trả tiền trước	313		350.929.744	1.746.561.138
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	2.567.694.063	2.700.451.818
5. Phải trả người lao động	315		4.929.294.752	2.920.311.031
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	43.496.674.709	94.295.575.960
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		2.031.909.250	-
II. Nợ dài hạn	330		175.317.819	1.176.756.613
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		175.317.819	38.172.138
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	1.138.584.475
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		294.161.430.134	263.925.747.374
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	294.161.430.134	263.925.747.374
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		255.000.000.000	255.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		136.193.960	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2.809.966.255)	(2.810.386.255)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(124.353.852)	(1.830.847.550)
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		148.698.974	148.691.928
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		41.810.857.307	13.418.289.251
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		3.681.855.398	3.373.984.419
TỔNG NGUỒN VỐN	440		487.356.709.536	581.619.510.602



Vũ Thế Đức
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Bích Liên
Kế toán trưởng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 16/03/2010 đến 31/12/2010	
			Năm 2011 VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.15	641.060.433.178	428.339.599.828
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	10	5.15	641.060.433.178	428.339.599.828
4. Giá vốn hàng bán	11	5.16	619.139.946.264	407.528.665.897
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp DV	20		21.920.486.914	20.810.933.931
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.17	34.790.018.684	24.452.392.672
7. Chi phí tài chính	22	5.18	11.403.981.556	13.267.171.785
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.549.128.978	12.752.649.759
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.757.395.064	19.243.505.059
11. Thu nhập khác	31		739.259.533	540.572.844
12. Chi phí khác	32		47.223.505	44.114.226
13. Lợi nhuận khác	40		692.036.028	496.458.618
14. Lợi nhuận/lỗ liên doanh, liên kết	45		7.964.395.263	5.074.316.606
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.413.826.355	24.814.280.283
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.188.677.245	4.433.576.916
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.225.149.110	20.380.703.367
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	61		327.490.980	331.444.920
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	70		27.897.658.131	20.049.258.447
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	5.19	1.094	786



Xu Thế Đức
 Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Bích Liên
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

	MS	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	32.413.826.355
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.263.778.652
- Các khoản dự phòng	03	7.098.605.571
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(29.489.938.111)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi VLD	08	13.286.272.467
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	215.519.325.670
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.973.777)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(120.045.173.137)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	6.147.925.907
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.647.639.695)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(575.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20	109.681.737.435
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và TSNH khác	21	(7.967.406.978)
2. Tiền thu từ TL, NB TSCĐ và các TSNH khác	22	181.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua CCC nợ của đơn vị khác	23	(664.854.251.750)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán CCC nợ của ĐV khác	24	715.973.472.223
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27	24.562.598.498
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	67.896.230.175
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.276.822.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.276.822.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	167.301.145.110
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	27.737.753.835
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	118.659.026
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	195.157.557.971



Vũ Thế Đức
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Bích Liên
Kế toán trưởng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp Nhà nước, trực thuộc Bộ Thương mại, được thành lập theo Quyết định số 519/TM-TCCB ngày 19/6/1996 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4106000283, được đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30/8/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 26 tháng 3 năm 2007, Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) đã có Quyết định số 0494/QĐ/BTM về việc thực hiện cổ phần hóa Công ty Giao nhận kho vận Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị doanh nghiệp đã được xác định và phê duyệt theo Quyết định số 6640/QĐ-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2008.

Ngày 16/03/2010, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0300648264.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 406 Nguyễn Tất Thành, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ cấu tổ chức**Các công ty con****Tỷ lệ vốn**

1. Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hàng không toàn cầu Vina Vinatrans	60,00%
2. Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vina Vinatrans	80,38%

Các công ty liên doanh, liên kết**Tỷ lệ vốn Nhà nước**

1. Công ty Liên doanh Vận tải Việt Nhật	21,70%
2. Công ty TNHH Nissin Logistic	20,00%
3. Công ty TNHH Agility	29,00%
4. Công ty TNHH Hyundai Vinatrans Logistic	49,00%

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty mẹ, các đơn vị thành viên hạch toán độc lập, các công ty con và công ty liên kết bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Nhận ủy thác của các đơn vị kinh tế, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước để tổ chức giao nhận vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng quá cảnh, hàng ngoại giao, hàng hội chợ triển lãm, thiết bị cho các cuộc biểu diễn văn hóa nghệ thuật, hàng công trình, đồ dùng cá nhân, hàng biếu tặng, hàng mẫu, tài liệu chứng từ bằng các đường biển, đường sông, đường sắt, đường bộ, đường hàng không ở Việt Nam đi các nước và ngược lại. Kinh doanh các dịch vụ giao nhận kho vận, thuê và cho thuê kho bãi, thuê và cho thuê các phương tiện vận tải, bốc xếp (tàu biển, xà lan, ô tô, máy bay, vỏ container, xe nâng, cần cẩu);
- Thực hiện dịch vụ vận tải công cộng bằng đường bộ, đường sông, thu gom chia lẻ, bảo quản, đóng gói, đánh kỹ mã hiệu, tái chế phân loại hàng hóa, sửa chữa bao bì. Nhận làm đại lý tàu biển, đại lý lưu cước gom hàng, đại lý chia lẻ hàng cho các hãng giao nhận, hãng tàu, hãng hàng không, làm đại lý điều hành container, đại lý ký gởi, đại lý khai hải quan, kiểm kiện, kiểm nghiệm, giám định, mua bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu theo đúng quy định của nhà nước;
- ...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ, các công ty con là Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hàng không toàn cầu Vina Vinatrans, Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vina Vinatrans.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và sửa đổi bổ sung theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính được dùng để hợp nhất bao gồm: Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty mẹ Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam; các Công ty con đã nêu tại thuyết minh số 6.1 và các Báo cáo tài chính của các công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại thuyết minh số 5.8.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các Công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản tài sản có gốc ngoại tệ và công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi ngược lại vào năm sau.

Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục công nợ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Tuy nhiên trong trường hợp nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán và phân bổ vào Báo cáo Kết quả kinh doanh trong vòng năm (5) năm tiếp theo.

Nếu áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái” thì kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 giảm lãi 124.353.852 đồng.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định áp dụng theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại A8 đường Trường Sơn, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty liên kết, Góp vốn liên doanh

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các công ty liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Công ty mẹ tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá xác định lại tại thời điểm Công ty chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị lợi thế kinh doanh được hình thành khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

13/01/2012

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vốn chủ sở hữu và các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25%. Thu nhập chịu thuế được xác định căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và tập đoàn có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	3.365.633.084	3.881.387.555
Tiền gửi ngân hàng	54.437.124.887	23.856.366.280
Các khoản tương đương tiền	137.354.800.000	-
Tổng	195.157.557.971	27.737.753.835

5.2 Các khoản đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn trình bày các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời gian đáo hạn dưới 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi	1.335.028.294	1.791.091.843
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	3.608.000.000	360.000.000
Phải thu khác	621.686.196	848.603.593
Tổng	5.564.714.490	2.999.695.436

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2011	
	VND	
Tại ngày 1 tháng 1		517.065.881
Tăng		183.961.272
Phân bổ vào chi phí trong năm		107.573.882
Tại ngày 31 tháng 12		593.453.271
	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	593.453.271	517.065.881
Tổng	593.453.271	517.065.881

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	95.300.000	66.806.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	693.250.000	-
Tổng	788.550.000	66.806.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.6 Tài sản cố định

	Nhà cửa		Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
	vật kiến trúc	vật kiến trúc					
NGUYÊN GIÁ							
Số dư tại 01/01/2011	11.412.401.038	523.680.994	14.832.366.833	325.692.812	128.534.964	27.222.676.641	
Tăng trong năm	116.749.464	14.500.000	7.453.340.787	53.564.000	-	7.638.154.251	
Mua trong năm	116.749.464	14.500.000	7.453.340.787	53.564.000	-	7.638.154.251	
Giảm trong năm	-	-	220.000.000	-	-	220.000.000	
Giảm khác	-	-	220.000.000	-	-	220.000.000	
Số dư tại 31/12/2011	11.529.150.502	538.180.994	22.065.707.620	379.256.812	128.534.964	34.640.830.892	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2011	732.764.358	53.323.968	4.045.885.737	122.240.054	61.174.274	5.015.388.391	
Tăng trong năm	1.117.051.591	73.154.180	1.951.014.662	65.779.966	52.545.889	3.259.546.288	
Khấu hao trong năm	1.117.051.591	73.154.180	1.951.014.662	65.779.966	52.545.889	3.259.546.288	
Giảm trong năm	-	-	200.902.807	-	-	200.902.807	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	200.902.807	-	-	200.902.807	
Số dư tại 31/12/2011	1.849.815.949	126.478.148	5.795.997.592	188.020.020	113.720.163	8.074.031.872	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2011	10.679.636.680	470.357.026	10.786.481.096	203.452.758	67.360.690	22.207.288.250	
Tại 31/12/2011	9.679.334.553	411.702.846	16.269.710.028	191.236.792	14.814.801	26.566.799.020	

Đơn vị tính: VND



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại A8 đường Trường Sơn, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

5.8 Đầu tư liên doanh, liên kết

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Liên doanh Vận tải Việt Nhật	21.253.873.589	15.603.214.151
Công ty TNHH Nissin Logistic	12.266.152.305	9.019.109.209
Công ty TNHH Agility	9.009.785.275	7.938.898.651
Công ty TNHH Huyndai Vinatrans Logistic	3.184.706.076	2.464.601.121
Tổng	45.714.517.245	35.025.823.132

5.9 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	42.125.312.687	42.125.312.687
VINALINK	17.100.000.000	17.100.000.000
VINAFREIGHT	6.893.204.819	6.893.204.819
VNT LOGISTICS	14.040.000.000	14.040.000.000
VINATRANS DANANG	2.042.383.568	2.042.383.568
EXIMBANK	2.049.724.300	2.049.724.300
Đầu tư dài hạn khác	2.058.631.771	3.538.631.771
Công ty TNHH DV HH Véc Tư Quốc Tế	2.058.631.771	2.058.631.771
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	1.480.000.000
Tổng	44.183.944.458	45.663.944.458

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
VINALINK	7.020.000.000	2.700.000.000
VNT LOGISTICS	6.230.400.000	1.320.000.000
EXIMBANK	791.739.000	922.270.268
Tổng	14.042.139.000	4.942.270.268

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là lợi thế thương mại sau khi cổ phần hóa doanh nghiệp được phân bổ trong thời gian là 3 năm.

5.11 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kỹ quỹ, ký cược dài hạn	557.046.430	8.000.000
Tổng	557.046.430	8.000.000

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	255.927.368	14.195.228
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.103.325.526	2.579.854.768
Thuế thu nhập cá nhân	208.441.169	106.401.822
Tổng	2.567.694.063	2.700.451.818

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	232.854.787	233.596.348
Bảo hiểm xã hội	3.070.066	4.048.914
Phải trả về cổ phần hóa		58.353.401.165
Công ty Đầu tư XD Thiết kế CT Lê Khanh	1.018.131.208	-
Thuế thu nhập cá nhân		27.233.224
Phải trả cổ tức	5.869.500	10.282.692.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	42.236.749.148	25.394.604.309
Tổng	43.496.674.709	94.295.575.960

(*) Số liệu tại ngày 31/12/2011 bao gồm 32.315.760.728 đồng liên quan đến chi phí về cước vận chuyển, phí chứng từ, phí lưu kho, phí bến bãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.14 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 16/03/2010	-	-	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	255.000.000.000	-	-	88.582.472	205.662.034	25.499.371.958	280.793.616.464
Tăng vốn	255.000.000.000	-	-	-	-	-	255.000.000.000
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	20.049.258.447	20.049.258.447
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	43.299.229	-	43.299.229
Đánh giá tỷ giá	-	-	-	88.582.472	-	-	88.582.472
Tăng khác	-	-	-	-	162.362.805	5.450.113.511	5.612.476.316
Giảm trong kỳ	-	-	2.810.386.255	1.919.430.022	56.970.106	12.081.082.707	16.867.869.090
Trích quỹ	-	-	-	-	-	218.299.229	218.299.229
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	10.725.000.000	10.725.000.000
Đánh giá CLTG	-	-	-	1.866.326.160	-	-	1.866.326.160
Các khoản khác	-	-	2.810.386.255	53.103.862	56.970.106	1.137.783.478	4.058.243.701
Số dư tại 31/12/2010	255.000.000.000	-	(2.810.386.255)	(1.830.847.550)	148.691.928	13.418.289.251	263.925.747.374
Số dư tại 01/01/2011	255.000.000.000	-	(2.810.386.255)	(1.830.847.550)	148.691.928	13.418.289.251	263.925.747.374
Tăng trong năm	-	136.193.960	420.000	1.830.847.550	7.046	30.621.529.935	32.588.998.491
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	27.897.658.131	27.897.658.131
Phân phối lợi nhuận	-	136.193.960	-	-	-	-	136.193.960
Hoàn CL tỷ giá đầu năm	-	-	-	1.830.847.550	-	-	1.830.847.550
Tăng khác (*)	-	-	420.000	-	7.046	2.723.871.804	2.724.298.850
Giảm trong năm	-	-	-	124.353.852	-	2.228.961.879	2.353.315.731
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	2.012.387.919	2.012.387.919
Đánh giá CLTG	-	-	-	124.353.852	-	-	124.353.852
Tăng vốn	-	-	-	-	-	136.193.960	136.193.960
Giảm khác	-	-	-	-	-	80.380.000	80.380.000
Số dư tại 31/12/2011	255.000.000.000	136.193.960	(2.809.966.255)	(124.353.852)	148.698.974	41.810.857.307	294.161.430.134

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.15 Doanh thu

	Năm 2011 VND	Từ 16/03/2010 đến 31/12/2010 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	650.346.282.205	437.044.661.578
Tổng	650.346.282.205	437.044.661.578
Các khoản giảm trừ		
Bù trừ doanh thu nội bộ	9.285.849.027	8.705.061.750
Doanh thu thuần	641.060.433.178	428.339.599.828

5.16 Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Từ 16/03/2010 đến 31/12/2010 VND
Giá vốn dịch vụ	628.271.014.671	416.035.946.142
Tổng	628.271.014.671	416.035.946.142
Bù trừ giá vốn nội bộ	9.131.068.407	8.507.280.245
Giá vốn toàn Công ty	619.139.946.264	407.528.665.897

5.17 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Từ 16/03/2010 đến 31/12/2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay và cổ tức	20.145.043.266	12.529.450.979
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.545.812.175	4.141.039.393
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.099.163.243	7.781.902.300
Tổng	34.790.018.684	24.452.392.672

5.18 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Từ 16/03/2010 đến 31/12/2010 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.293.242.165	8.324.901.517
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	9.099.868.732	4.942.270.268
Chi phí hoạt động tài chính khác	10.870.659	-
Tổng	11.403.981.556	13.267.171.785

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

5.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Từ 16/03/2010 đến 31/12/2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.897.658.131	20.049.258.447
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.897.658.131	20.049.258.447
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	25.500.000	25.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.094	786

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Các công ty con**Thông tin bổ sung về các công ty con:

	Tỷ lệ góp vốn	Ngành nghề
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hàng không Toàn Cầu Vina Vinatrans	60,00%	Dịch vụ vận tải QT
Công ty TNHH Vận tải ô tô Vina Vinatrans	80,38%	Dịch vụ vận tải ô tô

6.2 Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 16/03/2010 đến ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán.



Vũ Thế Đức
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Bích Liên
Kế toán trưởng